TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 463/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28/8/2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Công Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

2. Bà Vũ Thị Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thư Nhàn – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh Đào – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 229/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024 về việc: "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 146/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Phạm Ngọc H, sinh năm 1977; địa chỉ: 2 B, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

2/ Bị đơn: Ông Trần Văn V, sinh năm 1976; địa chỉ: 2 B, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 06/5/2024 cùng các bản tự khai, nguyên đơn bà Phạm Ngọc H trình bày:

Bà Phạm Ngọc H và ông Trần Văn V tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 33 do Ủy ban nhân dân Phường H2, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/3/2020.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại địa chỉ tại số B B, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh cùng gia đình chồng. Trong quá trình chung sống, bà H và ông V đã ly hôn vào năm 2019. Đến đầu năm 2020 do còn thương con nên bà đã cố gắng bỏ qua mọi chuyện và tiếp tục chung sống với ông V, cả hai đăng ký kết

hôn lại trong năm 2020. Tuy nhiên trong 2 năm gần đây thì vợ chồng ngày càng xảy ra nhiều mâu thuẫn do ông V thường xuyên đi chơi cùng bạn bè, ăn nhậu, bia ôm ở bên ngoài, khi về nhà say xỉn chửi mắng đuổi bà H ra khỏi nhà, thậm chí ông V còn nói với bà H là không còn thương bà nữa và chung sống với bà chỉ vì con cái khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, hơn 2 năm nay vợ chồng sống chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Nay bà H nhận thấy ông bà không còn tình cảm, không sinh hoạt vợ chồng và mỗi người đều có cuộc sống riêng nên bà Phạm Ngọc H đề nghị Tòa án cho bà được ly hôn ông Trần Văn V để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà H xác nhận vợ chồng chung sống có 02 (hai) con chung là Trần Thanh H1 – sinh ngày 06/9/2001 và Trần Huy C – sinh ngày 08/6/2004, cả hai con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác nhận không có.

Bị đơn ông Trần Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không thể hiện ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều đảm bảo đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà Phạm Ngọc H và ông Trần Văn V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H được ly hôn với ông V. Về con chung là Trần Thanh H1 – sinh ngày 06/9/2001 và Trần Huy C – sinh ngày 08/6/2004 đều đã trưởng thành nên Tòa án không đề cập giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác nhận không có.

Bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, các lời khai, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Hình thức, nội dung đơn yêu cầu ly hôn của bà Phạm Ngọc H và ông Trần Văn V hiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là bà Phạm Ngọc H đối với bị đơn ông Trần Văn V có nơi cư trú tại Quận F nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3]. Đối với nguyên đơn bà Phạm Ngọc H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Đối với bị đơn ông Trần Văn V mặc dù trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt, triệu tập hợp lệ bị đơn lên Tòa để giải quyết vụ án cũng như để tham gia phiên tòa sơ thẩm xét xử lần thứ nhất vào ngày 09/8/2024, lần thứ hai vào ngày 28/8/2024 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[4]. Quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Ngọc H và ông Trần Văn V phát sinh từ năm 2020, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp.

[5] Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Theo nguyên đơn bà Phạm Ngọc H trình bày nguyên nhân mâu thuẫn phát sinh là do ông V thường xuyên đi chơi cùng bạn bè, ăn nhậu, bia ôm ở bên ngoài, khi về nhà say xỉn thì chửi mắng đuổi bà H ra khỏi nhà, thậm chí ông V còn nói với bà H là không còn thương bà nữa và chung sống với bà chỉ vì con cái khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Mặc dù trước đó vợ chồng đã từng ly hôn, năm 2020 vì con nên kết hôn lại nhưng nay lại tiếp tục mâu thuẫn, điều này cho thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa từng được giải quyết triệt để. Chính vì vậy, hơn hai năm nay vợ chồng sống chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Nay bà H nhận thấy ông bà không còn tình cảm, không sinh hoạt vợ chồng và mỗi người đều có cuộc sống riêng.

Ngoài ra tại công văn trả lời xác minh số 518/UBND ngày 15/7/2024 của Ủy ban nhân dân Phường H2, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh trả lời cho Tòa án nhân dân Quận 6 như sau: *"bà Phạm Ngọc H và ông Trần Văn V thời gian chung sống với nhau tại địa chỉ 2 B, Phường H, Quận F vợ chồng có mâu thuẫn nên dẫn đến ly hôn, chính quyền địa phương không có can thiệp gì"*.

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...*". nhưng qua lời trình bày của nguyên đơn thì Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà H, ông V đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông V không có trách nhiệm với vợ, con, thời gian vợ chồng ly thân đã lâu, hai bên không còn sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau, cùng vun đắp cho cuộc sống gia đình. Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng bà H và ông V hàn gắn tình cảm, trở về đoàn tụ cũng như để lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của ông V nhưng ông đều vắng mặt không lý do, do vậy Tòa án không tiến hành ghi nhận lời khai, hòa giải được. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải, triệu tập xét xử để tạo điều kiện cho bà H và ông V hàn gắn hạnh phúc gia đình, nhưng ông V đều vắng mặt và không thể hiện ý kiến. Điều này chứng tỏ ông V không còn tha thiết cuộc sống vợ chồng, đồng thời không có thiện chí để hàn gắn hạnh phúc gia đình và cố tình để mặc bà H tự giải quyết mâu thuẫn vợ chồng.

Qua những phân tích trên cho thấy: Quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông V đã trầm trọng, nên khả năng đoàn tụ không còn và mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, trước yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông V, Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về con chung: Bà Phạm Ngọc H xác nhận vợ chồng chung sống có 02 (hai) con chung là Trần Thanh H1 – sinh ngày 06/9/2001 và Trần Huy C – sinh ngày 08/6/2004, cả hai con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác nhận không có; ông V vắng mặt nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Ngọc H

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Ngọc H ly hôn với ông Trần Văn V.

- Về con chung: Bà Phạm Ngọc H xác nhận vợ chồng chung sống có hai con chung là Trần Thanh H1 – sinh ngày 06/9/2001 và Trần Huy C – sinh ngày 08/6/2004, cả hai con chung đều đã trưởng thành nên Tòa án không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Ngọc H xác nhận không có, nên Tòa án không xem xét.

2. Các bên thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà bà Phạm Ngọc H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009898 ngày 14/5/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 6, bà Phạm Ngọc H đã nộp xong án phí sơ thẩm.

4. Giấy chứng nhận kết hôn số 33 do Ủy ban nhân dân Phường H2, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/3/2020 hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản

án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- UBND Phường 8, Quận 6, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Công Hoa